

Bản án số: 43/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09/7/2018

“V/v ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Trần Thu Trang.

2- Ông Phạm Đức Hoài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lư Quốc Thịnh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 78/2018/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2018 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐXX-ST, ngày 05 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2018/QĐST- HNGĐ, ngày 21 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Phạm Ngọc A, sinh năm 1989 (có mặt).

2- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B1, xã N.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Ngọc A trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Anh A và chị Nguyễn Thị Thúy A kết hôn với nhau vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và có đăng ký kết hôn vào ngày 02/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống được khoảng 5 năm thì phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị A có quan hệ

tình cảm với người đàn ông khác từ đó vợ chồng cự cãi nhau rồi chị A bỏ nhà ra đi từ tháng 10/2017 để lại đứa con cho anh và cũng không biết đi đâu, làm gì. Nay anh xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn nữa nên anh yêu cầu xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy A.

Về con chung: Có 01 đứa con tên Phạm Nguyễn Ân T, sinh ngày 09/4/2013, từ khi ly thân cho đến nay anh A là người chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tình, cuộc sống của cháu Tình vẫn ổn định và bản thân anh A có việc làm, thu nhập ổn định và có đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, anh A yêu cầu xin được nuôi con và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Để vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy A Tòa án đã tổng đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị A vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh A.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Phạm Ngọc A vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Anh yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy A.

Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi con là Phạm Nguyễn Ân T, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Để vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Thúy A vắng mặt.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Ngọc A xử cho anh Phạm Ngọc A và chị Nguyễn Thị Thúy A được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Ân T, sinh ngày 09/4/2013 cho anh Phạm Ngọc A chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh A không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với chị Nguyễn Thị Thúy A đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị Thúy A.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Anh Phạm Ngọc A và chị Nguyễn Thị Thúy A kết hôn với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Theo giấy chứng nhận kết hôn số:12 ngày 02/02/2012 do anh A cung cấp nên hôn nhân của anh A và chị A là hợp pháp.

Về mâu thuẫn: Vợ chồng chung sống được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thiếu tình tưởng nhau dẫn đến mất hạnh phúc gia đình. Đến tháng 10/2017 thì chị A đã bỏ nhà ra đi cho đến nay không rõ đi đâu, làm gì và cũng không về thăm con. Thể hiện tại biên bản xác minh ngày 13/4/2018 (BL 14).

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Ân xử cho anh Phạm Ngọc A và chị Nguyễn Thị Thúy A ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh Phạm Ngọc A và chị Nguyễn Thị Thúy A có 01 đứa con tên Phạm Nguyễn Ân T, sinh ngày 09/4/2013, anh A yêu cầu xin được nuôi con và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu của anh A là có cơ sở. Bởi vì, từ khi ly thân cho đến nay anh A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, hơn nữa anh A có việc làm, thu nhập ổn định và có đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh A xử giao cháu Phạm Nguyễn Ân T cho anh A chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Anh Phạm Ngọc A không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Anh Phạm Ngọc A thừa nhận không có và yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc anh Phạm Ngọc A phải chịu 300.000đ. Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo lai thu số 0001564, ngày 12/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy anh A đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Phạm Ngọc A và chị Nguyễn Thị Thúy A được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Ân T, sinh ngày 09/4/2013 cho anh Phạm Ngọc A chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Thúy A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị A có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh A và chị A có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh Phạm Ngọc A không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Phạm Ngọc A thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc anh Phạm Ngọc A phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0001564, ngày 12/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy anh A đã nộp đủ tiền án phí.

6. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho anh A có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/7/2018). Đối với chị A vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Nam Thái A;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Tâm

